TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 2 - LAI CHÂU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 38/2026/HNGĐ-ST Ngày 04-8-2026 V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 - LAI CHÂU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Quàng Thị Phương.
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lò Văn Lâm;
Bà Lương Thị Diệp.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lò Văn Sơm – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 2 - Lai Châu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 - Lai Châu tham gia phiên tòa: Bà Lương Thị Vân - Kiểm sát viên.

Trong ngày 04 tháng 8 năm 2026 tại Trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 2 - Lai Châu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 70/2026/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 3 năm 2026 về "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 40/2026/QĐXXST - HNGĐ ngày 10 tháng 7 năm 2026 giữa các đương sự.

1. Nguyên đơn: Chị Hà Thị T, sinh năm: 1998; Địa chỉ: Bản P, xã T, tỉnh Lai Châu (nay là bản P, xã T, tỉnh Lai Châu); *(Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt).*

2. Bị đơn: Anh Vàng Văn P, sinh năm: 1990; Địa chỉ: Bản P, xã T, tỉnh Lai Châu; *(Vắng mặt, không có lý do chính đáng).*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 13 tháng 3 năm 2026 và những lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn là chị Hà Thị T trình bày.

Về quan hệ hôn nhân: Chị Hà Thị T và anh Vàng Văn P tự nguyện tìm hiểu, sống chung từ năm 2015 đến ngày 09/3/2018 anh chị đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện T, tỉnh Lai Châu (nay là Ủy ban nhân dân xã T, tỉnh Lai Châu). Sau khi kết hôn anh chị sinh sống tại bản Pom Bó, xã T, tỉnh Lai Châu. Sống chung hạnh phúc đến tháng 3 năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do không hợp tính tình, bất đồng quan điểm sống dẫn đến không thể cùng chia sẻ suy nghĩ, công việc cùng nhau, luôn hiểu lầm, cãi vã, anh P

thường xuyên uống rượu, say rượu chửi mắng vợ con, thậm chí vợ chồng xô xát, đánh nhau. Mâu thuẫn trầm trọng nên anh chị đã sống ly thân từ cuối năm 2022 đến nay, không ai quan tâm đến ai. Chị T đã về nhà bố mẹ đẻ tại bản Pù Quải (nay là bản P), xã T sinh sống. Mâu thuẫn vợ chồng xảy ra đã được hai bên gia đình động viên hòa giải nhưng không thành. Chị Hà Thị T xác định, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, không thể hàn gắn, tình cảm vợ chồng không còn nên khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh Vàng Văn P.

Về nuôi con chung: Trong thời kỳ hôn nhân chị Hà Thị T và anh Vàng Văn P có hai con chung chưa thành niên là cháu Vàng Diễm T1, sinh ngày 24/4/2016; Vàng Ánh Q, sinh ngày 23/8/2018. Trong đơn khởi kiện ban đầu, chị Hà Thị T có yêu cầu được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cả hai con chung. Tuy nhiên, quá trình giải quyết vụ án chị Hà Thị T thay đổi nội dung đề nghị, chị có yêu cầu được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Vàng Diễm T1, giao cho anh Vàng Văn P trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Vàng Ánh Q. Chị T không yêu cầu Toà án giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con chung. Nội dung thay đổi yêu cầu của chị T không vượt quá yêu cầu khởi kiện ban đầu nên được Toà án chấp nhận để xem xét, giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung, cho vay chung: Chị Hà Thị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Để chứng minh cho yêu cầu của mình là có căn cứ, kèm theo đơn khởi kiện chị Hà Thị T đã nộp cho Tòa án: Bản chính chứng nhận kết hôn số 12 ngày 09/3/2018; bản sao có chứng thực các giấy khai sinh số 57/2016 ngày 11/5/2016, số 66/2018 ngày 06/9/2018 của Ủy ban nhân dân xã M (cũ) cấp; bản sao căn cước công dân chị Hà Thị T và xác nhận thông tin về cư trú. Việc giao nộp tài liệu chứng cứ đúng thời gian và đúng trình tự, thủ tục.

Căn cứ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Tòa án nhân dân khu vực 2 – Lai Châu đã thụ lý vụ án và xác minh tại nơi cư trú và đại diện hai bên gia đình chị Hà Thị T, anh Vàng Văn P xác định: Chị Hà Thị T và anh Vàng Văn P sống chung từ năm 2015, đến ngày 09/3/2018 anh chị đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện T, tỉnh Lai Châu (nay là Ủy ban nhân dân xã T, tỉnh Lai Châu). Sau khi kết hôn anh chị sống chung tại bản P, xã T, tỉnh Lai Châu. Quá trình chung sống anh chị thường xuyên xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân do không hợp tính tình, bất đồng quan điểm sống. Mâu thuẫn vợ chồng xảy ra đã được hai bên gia đình động viên, hòa giải nhiều lần nhưng không thành. Từ cuối năm 2022 chị Hà Thị T về nhà bố mẹ đẻ tại bản Phiêng Cẩm, xã T sinh sống và anh chị ly thân từ đó đến nay. Anh chị đều là lao động tự do với mức thu nhập trung bình của lao động cùng loại tại địa phương là 53.000.000 đồng/năm (khoảng 4.400.000 đồng/người/tháng). Toà án đã thông báo về việc thụ lý vụ án, xác minh tình trạng hôn nhân và tiến hành hỏi ý kiến con chung chưa thành niên, kết

quả: Cháu Vàng Diễm T1 muốn sống cùng mẹ; cháu Vàng Ánh Q muốn sống cùng bố là anh Vàng Văn P. Qua xác minh, từ khi anh chị ly thân cả hai con chung đều sống cùng anh Vàng Văn P tại bản P, xã T, tỉnh Lai Châu, chị T có gửi tiền cấp dưỡng nuôi con chung và các con chung sống cùng anh P được đảm bảo mọi điều kiện sinh hoạt, học tập. Quá trình giải quyết vụ án, anh Vàng Văn P có mặt tại nơi cư trú nhưng không chấp hành các văn bản tố tụng của Toà án. Chị Hà Thị T có đơn đề nghị không tiến hành hoà giải, nên vụ án không tiến hành hoà giải được. Toà án đã tiến hành tống đạt văn bản tố tụng hợp lệ, mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, lập biên bản về việc không tiến hành hoà giải được, đồng thời thông báo kết quả phiên họp theo quy định và quyết định đưa vụ án ra xét xử.

Tại phiên toà, chị Hà Thị T vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt, nội dung yêu cầu giải quyết như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: chị Hà Thị T giữ nguyên yêu cầu khởi kiện ly hôn với anh Vàng Văn P.

- Về nuôi con chung: Chị Hà Thị T yêu cầu được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Vàng Diễm T1, giao cho anh Vàng Văn P trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Vàng Ánh Q và không yêu cầu Toà án giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về chia tài sản chung, nợ chung, cho vay chung: chị Hà Thị T không yêu cầu Toà án giải quyết.

Anh Vàng Văn P đã được Toà án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do chính đáng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 - Lai Châu tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Thư ký Tòa án đã tuân thủ theo đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm và đảm bảo đúng nguyên tắc xét xử. Về phía các đương sự: Nguyên đơn từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình. Bị đơn chưa chấp hành các giấy triệu tập, thông báo của của Tòa án, gây khó khăn trong việc tống đạt các văn bản tố tụng nhưng đã được đảm bảo các quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, các Điều 56, 57, 58, 69, 71, 72, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Điều 5; Khoản 1 Điều 28; các Điều 35, 39, 143, 147, 227, 228, 238, 244, 266, 267, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự. Khoản 2, Điều 1 Luật số 85 /2025/QH15 ngày 25/6/2025 sửa đổi bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng dân sự, Luật tố tụng hành chính, Luật tư pháp người chưa thành niên, Luật

phá sản và Luật Hoà giải đối thoại tại Toà án. Điều 39 Bộ luật dân sự. Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Hà Thị T.

- Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Hà Thị T được ly hôn với anh Vàng Văn P.

- Về con chung: Giao cho chị Hà Thị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung chưa thành niên là Vàng Diễm T1, sinh ngày 24/4/2016 cho đến khi cháu Thùy thành N (đủ 18 tuổi) không mất năng lực hành vi dân sự, có khả năng lao động.

Giao cho anh Vàng Văn P trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung chưa thành niên là Vàng Ánh Q, sinh ngày 23/8/2018 cho đến khi cháu Q thành niên (đủ 18 tuổi) không mất năng lực hành vi dân sự, có khả năng lao động.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Các đương sự không có yêu cầu Toà án giải quyết nên không xem xét.

- Về tài sản chung, nợ chung, cho vay chung: Do các đương sự không có yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn là chị Hà Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

- Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Hà Thị T yêu cầu Toà án giải quyết ly hôn, tranh chấp về nuôi con với anh Vàng Văn P, cùng tài liệu chứng cứ trong hồ sơ vụ án xác định quan hệ tranh chấp là "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn" theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn là anh Vàng Văn P có hộ khẩu thường trú tại bản P, xã T, tỉnh Lai Châu. Căn cứ Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự và khoản 2, Điều 1 Luật số 85 /2025/QH15 ngày 25/6/2025 sửa đổi bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng dân sự, Luật tố tụng hành chính, Luật tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật Hoà giải đối thoại tại Toà án xác định vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 2 - Lai Châu.

[2] Về thủ tục tố tụng:

Ngày 27/7/2026, Toà án mở phiên toà lần thứ nhất, anh Vàng Văn P đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt, Hội đồng xét xử quyết định hoãn phiên

toà. Ngày 04/8/2026, Tòa án mở lại phiên tòa, anh Vàng Văn P đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do chính đáng; chị Hà Thị T có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt các đương sự.

[3] Về nội dung:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ vào lời khai của đương sự, qua xác minh và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án xác định: Chị Hà Thị T và anh Vàng Văn P sống chung có đăng ký kết hôn vào ngày 09/3/2018 tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện T (cũ) nay là xã T, tỉnh Lai Châu trên cơ sở tự nguyện, không bị lừa dối, ép buộc. Như vậy, quan hệ hôn nhân giữa chị Hà Thị T và anh Vàng Văn P là hôn nhân hợp pháp.

Sau khi kết hôn anh chị sống chung tại bản P, xã T, tỉnh Lai Châu. Quá trình chung sống chị T, anh P thường xuyên xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân do mâu thuẫn về kinh tế, vợ chồng không hợp tính tình, bất đồng quan điểm sống. Qua xác minh, chị T và anh P phát sinh mâu thuẫn gia đình từ tháng 3 năm 2022 và ly thân từ cuối năm 2022 đến nay. Chị Hà Thị T về nhà bố mẹ đẻ tại bản P, xã T, tỉnh Lai Châu sinh sống.

Đại diện hai bên gia đình, thôn bản, chính quyền địa phương xác định vợ chồng chị Hà Thị T và anh Vàng Văn P có hộ khẩu thường trú, sinh sống tại xã T, tỉnh Lai Châu, đều chấp hành nghiêm chỉnh pháp luật, quy định của địa phương. Mâu thuẫn vợ chồng anh chị đã được hai bên gia đình động viên, hoà giải nhưng không thành. Hiện nay anh chị đã không còn sống chung. Chị Hà Thị T có đơn khởi kiện ly hôn đề nghị Toà án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Hội đồng xét xử nhận định, mâu thuẫn vợ chồng giữa chị Hà Thị T và anh Vàng Văn P đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng đã rạn nứt không thể hàn gắn. Các bên đã vi phạm nghĩa vụ vợ chồng như không còn yêu thương nhau, không còn sự tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau cùng chia sẻ, thực hiện các công việc của gia đình và hiện nay anh chị đã ly thân làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Yêu cầu ly hôn của chị Hà Thị T là có căn cứ phù hợp với các quy định tại Điều 51, Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên cần chấp nhận, xử cho chị Hà Thị T được ly hôn với anh Vàng Văn P.

[3.2] Về nuôi con chung: Căn cứ các giấy khai sinh số 57/2016 ngày 11/5/2016, số 66/2018 ngày 06/9/2018 của Ủy ban nhân dân xã M (cũ) cấp xác định, trong thời kỳ hôn nhân, chị Hà Thị T và anh Vàng Văn P có hai con chung chưa thành niên là Vàng Diễm T1, sinh ngày 24/4/2016; Vàng Ánh Q, sinh ngày 23/8/2018.

Xét về điều kiện nuôi con, anh Vàng Văn P và chị Hà Thị T đều có nơi cư trú rõ ràng tại xã T, tỉnh Lai Châu. Chị Hà Thị T và anh Vàng Văn P đều là lao

động tự do. Qua xác minh mức thu nhập trung bình của lao động cùng loại tại địa phương là 53.000.000 đồng/năm (khoảng 4.400.000 đồng/người/tháng). Như vậy, anh chị đều có mức thu nhập ổn định, có điều kiện nuôi con như nhau. Qua xác minh, từ khi anh chị ly thân cả hai con chung đều sống cùng anh Vàng Văn P tại bản P, xã T, tỉnh Lai Châu, chị T có gửi tiền cấp dưỡng nuôi con chung, các con chung sống cùng anh P được đảm bảo mọi điều kiện sinh hoạt, học tập.

Tại thời điểm giải quyết vụ án xác định cả hai con chung đã trên 07 tuổi, căn cứ khoản 2 Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, khoản 3 Điều 208 của Bộ luật tố tụng dân sự, Toà án tiến hành hỏi ý kiến con chung chưa thành niên, kết quả: Cháu Vàng Diễm T1 muốn sống cùng mẹ; cháu Vàng Ánh Q muốn sống cùng bố. Trong đơn khởi kiện ban đầu, chị Hà Thị T có yêu cầu được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cả hai con chung. Tuy nhiên, quá trình giải quyết vụ án, tại phiên toà chị Hà Thị T thay đổi nội dung đề nghị, chị có yêu cầu được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Vàng Diễm T1, giao cho anh Vàng Văn P trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Vàng Ánh Q. Nội dung thay đổi yêu cầu của chị T không vượt quá yêu cầu khởi kiện ban đầu, đồng thời phù hợp với khả năng, điều kiện nuôi con của các đương sự, đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con chung, phù hợp với ý kiến của con chung chưa thành niên và ý kiến của Cơ quan quản lý nhà nước về gia đình tại địa phương nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Do các đương sự không yêu cầu giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con chung nên Toà án không xem xét.

[3.3] Về tài chung và nợ chung, cho vay chung: Do đương sự không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn là chị Hà Thị T phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 143, Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[5] Về quyền kháng cáo: Chị Hà Thị T và anh Vàng Văn P có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[6] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 – Lai Châu về giải quyết nội dung vụ án là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Điều 5; Khoản 1 Điều 28; các Điều 35, 39, 143, 147, 227, 228, 238, 244, 266, 267, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Khoản 2, Điều 1 Luật số 85/2025/QH15 ngày 25/6/2025 sửa đổi bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng dân sự, Luật tố tụng hành chính, Luật tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật Hoà giải đối thoại tại Toà án.

- Điều 39 Bộ luật dân sự năm 2015;

- Các Điều 51, 53, 56, 57, 58, 69, 71, 72, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Hà Thị T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Hà Thị T ly hôn với anh Vàng Văn P.

2. Về nuôi con chung:

Giao cho chị Hà Thị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung chưa thành niên là Vàng Diễm T1, sinh ngày 24/4/2016 cho đến khi cháu Thùy thành N (đủ 18 tuổi) không mất năng lực hành vi dân sự, có khả năng lao động.

Giao cho anh Vàng Văn P trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung chưa thành niên là Vàng Ánh Q, sinh ngày 23/8/2018 cho đến khi cháu Q thành niên (đủ 18 tuổi) không mất năng lực hành vi dân sự, có khả năng lao động.

Chị Hà Thị T, anh Vàng Văn P có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở, nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục con của người trực tiếp nuôi con.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Hà Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng*) . Xác nhận chị Hà Thị T đã nộp tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu tạm ứng án phí lệ phí Tòa án số 0000129 ngày 16/3/2026 tại Thi hành án dân sự tỉnh Lai Châu nay chuyển thành án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Lai Châu;
- VKSND Khu vực 2 - Lai Châu;
- THA dân sự tỉnh Lai Châu;
- Các đương sự (Để thi hành);
- UBND xã Than Uyên, tỉnh Lai Châu;
- Công bố trên Cổng thông tin điện tử của

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Tòa án.
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

Quàng Thị Phương